

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2018
V/v ly hôn giữa anh H và chị N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đắc Tuyên

2. Bà Phạm Thị Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 126/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2018/TB ngày 11/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1978. ĐKKHKT và trú tại: TDP N 4, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Có mặt

Bị đơn: Chị Đào Thị Bích N, sinh năm 1982. ĐKKHKT và trú tại: TDP N 4, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là anh Ngô Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đào Thị Bích N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được

khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị N còn ghen tuông vô cớ nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng và không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã hòa giải Nều lần nhưng không thành. Từ năm đầu năm 2017 đến nay, anh và chị N đã sống ly thân (anh về nhà bố mẹ đẻ ở), không quan tâm tới nhau cả về tình cảm cũng như kinh tế. Vào tháng 4/2017, anh đã làm đơn xin ly hôn chị N nhưng do chưa thống nhất về vấn đề tài sản và muốn hòa giải nên anh đã rút đơn. Đến nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 03 con chung là Ngô Khánh L, sinh ngày 18/06/2006, Ngô Gia N, sinh ngày 08/12/2011 và Ngô Gia K, sinh ngày 14/8/2013. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng nuôi hai cháu là Ngô Gia N và cháu Ngô Gia K; giao cháu Ngô Khánh L cho chị N nuôi. Tiền cấp dưỡng nuôi các con, hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 20/12/2017, bị đơn chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống và con chung như anh H trình bày là đúng. Vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân một phần do chị có ghen tuông. Nay anh H làm đơn xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn. Trường hợp anh H cứ cương quyết ly hôn thì Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Về nuôi con chung: Chị có nguyện vọng nuôi cháu lớn là Ngô Khánh L, giao hai cháu nhỏ là Ngô Gia N và cháu Ngô Gia K cho anh H nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 14/12/2017, cháu Ngô Khánh L, sinh ngày 18/6/2006 có nguyện vọng ở với chị N.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng; thông báo về phiên họp tiếp cận chứng cứ và hòa giải, tuy Nhiên chị N đều vắng mặt. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị N đã được tổng đạt hợp lệ, ngày 12/01/2018, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn chị N. Về vấn đề con chung, hiện tại anh đã đón hai cháu là Ngô Gia N và cháu Ngô Gia K về ở cùng anh, cháu Ngô Khánh L đang ở với chị N. Anh đề nghị Tòa án xử cho anh được nuôi hai cháu Ngô Gia N và cháu Ngô Gia K; tiếp tục giao cháu Ngô Khánh L cho chị N nuôi. Về tài sản, anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H; về con chung: Giao cháu Ngô Gia N, sinh ngày 08/12/2011 và Ngô Gia K, sinh ngày 14/8/2013 cho anh H nuôi; giao cháu Ngô Khánh L, sinh ngày 18/06/2006 cho chị N nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị giải quyết; về tài sản chung, do hai bên không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Ngô Văn H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn với chị Đào Thị Bích N cư trú tại phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

Chị Đào Thị Bích N đã được Tòa án nhân dân quận D tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đào Thị Bích N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn H và chị Đào Thị Bích N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng mười năm thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thập chứng cứ tại nơi anh H và chị N cư trú và qua lời khai của bố đẻ anh H đều xác định: Anh H và chị N xảy ra mâu thuẫn đã lâu, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ bất đồng trong quan điểm sống, gia đình hai bên cùng hàng xóm nơi cư trú đã hòa giải, khuyên bảo Nều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa anh chị không thể hòa giải được. Hiện tại, anh chị đã sống ly thân khoảng hơn một năm nay, không có sự quan tâm tới nhau. Vào tháng 8/2017, anh H đã làm đơn ly hôn chị N nhưng sau đó rút đơn. Nay anh H làm đơn ly hôn chị N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền

và nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, chị N tuy không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu của anh H về việc xin ly hôn chị N phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về vấn đề con chung: Anh H và chị N có 03 con chung là Ngô Khánh L, sinh ngày 18/06/2006, Ngô Gia N, sinh ngày 08/12/2011 và Ngô Gia K, sinh ngày 14/8/2013. Hiện tại hai cháu là Ngô Gia N và Ngô Gia K đang ở với anh H, cháu Ngô Khánh L đang ở với chị N và có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H và chị N đều có việc làm và thu nhập ổn định (anh H là công nhân có thu nhập khoảng 7.000.000đ – 8.000.000đ/tháng, chị N là nữ hộ sinh có thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng), đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Ý kiến của anh H và chị N về việc nuôi con chung phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế, với nguyện vọng và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung. Vì vậy, cần giao hai cháu Ngô Gia N, sinh ngày 08/12/2011 và Ngô Gia K, sinh ngày 14/8/2013 cho anh H nuôi, giao cháu Ngô Khánh L cho chị N nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do anh H và chị N tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Ngô Văn H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh H và chị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Ngô Văn H được ly hôn chị Đào Thị Bích N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Ngô Gia N, sinh ngày 08/12/2011 và Ngô Gia K, sinh ngày 14/8/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Ngô Khánh L, sinh ngày 18/6/2006 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18

tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Anh Ngô Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 14023 ngày 08 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh Ngô Văn H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Đào Thị Bích N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THA quận D;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Hải